

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/8/2018.

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10/5/2018, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/7/2018 và Thông báo mở phiên tòa phiên tòa số: 18/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Trung H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung đề ngày 08/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Ngọc N – nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Trần Trung H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, cuộc sống hôn

nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Hiện chị N và anh H đã sống ly thân với nhau được khoảng 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N với anh H có 01 người con chung tên Trần Ngọc Trà M, sinh ngày 22/3/2013. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị Nhớ cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh con (Bản sao); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (Bản sao) và đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Trung H: Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện: bị đơn - anh Trần Trung H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 1, xã Đ, huyện Tánh Linh; mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị N và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Riêng bị đơn anh Trần Trung H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc N. Về con chung: Giao người con chung Trần Ngọc Trà M, sinh ngày: 22/3/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên Tòa. Trong đó nguyên đơn - chị Trần Thị Ngọc N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Trần Trung H vắng mặt không rõ lý do. Mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc N và anh Trần Trung H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tánh Linh vào năm 2012. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/7/2018 gửi đến Tòa án, chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Bởi vì sau khi kết hôn, chị N và anh H chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; giữa vợ chồng không có sự giúp đỡ, nhường nhịn lẫn nhau, dẫn đến những mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng; chị N hiện nay không còn tình cảm gì với anh H, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay nên chị N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Điều này phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N tại địa phương cũng như thông tin do gia đình anh H cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Trong khi đó, quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã thông báo cho anh H biết việc chị N làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng anh H không hợp tác, không thực hiện quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh H theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là có căn cứ; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh H có người con chung tên là Trần Ngọc Trà M, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2013. Hiện nay cháu M đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu M đang có cuộc sống ổn định với chị N, được cho học hành và chăm sóc đầy đủ. Từ khi anh H và chị N không chung sống với nhau đến nay thì chị N vẫn đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Do đó cần tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Trà M, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2013 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi thành niên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị N không được ngăn cản là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trần Trung H.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị Ngọc N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Trần Ngọc Trà M, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2013 cho đến khi thành niên. Anh Trần Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được ngăn cản.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012582 ngày 10/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Trần Thị Ngọc N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ